

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-08-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ngô Trọng Búp

2. Hòa Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/04/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983. Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử giải quyết vắng mặt bà Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2003. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Từ năm 2021 đến nay hai người đã không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, bà Thương nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã

quá trầm trọng, nên vợ chồng đoàn tụ cũng không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà Thương yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Hồ Văn H.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H có 02 con chung: Hồ Tuấn A sinh ngày 15/5/2006 và Hồ Ngọc A1 sinh ngày 04/6/2011.

Bà Trần Thị T có nguyện vọng sau khi ly hôn bà là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung: Hồ Tuấn A và Hồ Ngọc A1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Hồ Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Văn H trình bày:* Ông Hiền và bà Trần Thị T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003, hôn nhân giữa hai người là tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung và ảnh hưởng nghiêm trọng chuyện kinh tế gia đình. Bà Thương yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng hiện nay các con đã lớn, nên ông Hiền không muốn vợ chồng ly hôn, làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Tuy nhiên, trong trường hợp bà Thương cương quyết ly hôn thì ông Hiền vẫn chấp nhận.

Về con chung: Ông Hồ Văn H và bà Trần Thị T có 02 con chung là Hồ Tuấn A sinh ngày 15/5/2006 và Hồ Ngọc A1 sinh ngày 04/6/2011. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Hiền có nguyện vọng được nuôi con Hồ Tuấn A, vì Tuấn A đang sống cùng ông H và được ông H chăm sóc chu đáo, bảo đảm được việc học hành.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi₂ cư trú tại: Thôn 06, xã E, huyện M, tỉnh

Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2003 là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Thương trình bày, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau. Bà Thương và ông Hiền đã không còn chung sống với nhau từ lâu. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Thương và ông Hiền đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề giải quyết cho bà Thương và được ly hôn Hiền.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H có 02 con: Hồ Tuấn A sinh ngày 15/5/2006 và Hồ Ngọc A1 sinh ngày 04/6/2011, bà Thương có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con sau khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, hiện tại Hồ Tuấn A đang ở cùng ông Hiền còn Hồ Ngọc A1 đang sống cùng bà ngoại. Để bảo đảm nguyện vọng về quyền nuôi con cũng như sự ổn định trong cuộc sống và việc học hành của các con, HĐXX cần giao cho ông Hiền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng Hồ Tuấn A, bà Thương nuôi Hồ Ngọc A1 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị T, ông Hồ Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con.

2.4. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H không yêu cầu chia, nên HĐXX không đề cập xem xét, trong trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, xét miễn tiền án phí cho bà Thương.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Hồ Văn H.

Về con chung: Giao con Hồ Tuấn A sinh ngày 15/5/2006 cho ông Hồ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Hồ Ngọc A1 sinh ngày 04/6/2011 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Bà Trần Thị T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, xét miễn tiền án phí về hôn nhân gia đình cho bà Thương.

Quyền kháng cáo: Ông Hồ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đức Hợi